TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:125/2023/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 25 tháng 8 N 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 N 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh N 1986;

- Bị đơn: Anh Lưu Văn H, sinh N 1975;

Cùng địa chỉ: Xóm NV3, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần CTVN-Chi nhánh N Thái Nguyên;

Địa chỉ: Phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,59,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 N 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 N 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thị N và anh Lưu Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Lưu Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị N, anh H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Lưu Thị L, sinh ngày 24/12/2006 và Lưu Quang T, sinh ngày 17/9/2008.

Chị N, anh H thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Đặng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lưu Quang T, sinh ngày 17/9/2008. Giao cho anh Lưu Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lưu Thị L, sinh ngày 24/12/2006. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh H thống nhất thoả thuận: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nên không đặt ra việc giải quyết.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Chị N, anh H nhất trí thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận như sau:

Hiện nay anh Lưu Văn H đứng tên trong sổ tiết kiệm mang tên Lưu Văn H gửi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Sông Công- Phòng giao dịch Ba hàng (nay là chi nhánh Nam Thái Nguyên). Đây là khoản tiền chung của vợ chồng do được đền bù mà có.

Chị N anh H thống nhất thoả thuận: Anh Lưu Văn H phải có trách nhiệm trích chia cho chị Đặng Thị N 500.000.000đồng (N trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 500.000.000đồng (N trăm triệu đồng) anh H được quyền sử dụng, sở hữu.

Chị N được quyền sử dụng sở hữu số tiền 500.000.000đồng (N trăm triệu đồng) do anh H trích chia.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Sông Công-Phòng giao dịch Ba hàng (nay là Chi nhánh Nam Thái Nguyên) có trách nhiệm thực hiện việc chi trả số tiền cho chị Đặng Thị N và anh Lưu Văn H như trên khi đến hạn là ngày 14/9/2023 và tiền lãi suất theo quy định.

2.5. Về nợ chung: Chị N, anh H đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có nợ chung.

2.6. Về án phí: Chị N, anh H thống nhất thỏa thuận chị N chịu 150.000đồng (Một trăm N mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PY tại Biên lai thu số 0001462 ngày 28/4/2023. Hoàn trả lại cho chị N 4.700.000đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Vạn Phái;
- Ngân hàng TMCP CT Việt Nam-Chi nhánh Nam Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Thu Thủy